

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ B  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 9 năm 2022  
“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Ích Ròng  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lò Văn Sung
2. Bà Lò Thị Ánh Ngọc

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B - tỉnh Điện Biên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Quyết định hoãn phiên tòa số 52 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, **sinh năm 1990.**

Nơi cư trú: Bản M, xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: Giáo viên trường Mầm non số 2 NN; xã NN; TP. ĐBP, tỉnh Điện Biên; có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T1, **sinh năm 1989 .**

Nơi cư trú: Bản M , xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn **xin ly hôn** ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lò Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/11/2014. Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh T1 chung sống hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc cho đến tháng 6/2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn; mặc dù đã được 2 bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng do tính tình chị T và anh T1 không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau; cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn T1.

Về con chung: chị Lê Thị T và anh Lò Văn T1 có 01 người con chung là cháu Lò Ngọc L, sinh ngày 17/10/2015. Nguyên vọng của chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Ngọc L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

Về tài sản:

- Tài sản riêng, Tài sản chung, Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, nương của vợ chồng: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Lò Văn T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lò Văn T1 cư trú tại bản M, xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chị T khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung với anh T1 nên Tòa án nhân dân huyện Đ B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lò Văn T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và Anh Lò Văn T1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/ 11/2014 tại UBND xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn Chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 6/ 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng giữa chị T và anh T1 vẫn không hòa hợp được nên không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau; mặt khác anh T1 được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì; chứng tỏ anh T1 cũng không muốn đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: anh T1 và chị T không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cần giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lò Văn T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 người con chung là cháu Lò Ngọc L, sinh ngày 17/10/2015. Hội đồng xét xử xét thấy chị T là giáo viên có mức lương ổn định trực tiếp nuôi cháu Lò Ngọc L sẽ đảm bảo cho con phát triển về thể chất và tinh thần phù hợp với pháp luật; nên cần giao cháu Lò Ngọc L cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ

18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 5 BLTTDSự không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về; diện tích ruộng nương; Anh T1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chị Lê Thị T ly hôn anh Lò Văn T1.

**2. Về con chung:** Giao cháu Lò Ngọc L, sinh ngày 17/10/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh T1 có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương:** Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005013 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B; Chị T đã nộp đủ.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND xã TN, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ B;
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- UBND xã TN;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ích Rông**